

DANH SÁCH

Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất

STT	Thời điểm đăng ký	Tên của người đăng ký biện pháp bảo đảm	Số GCN QSDĐ, QSH tài sản	Số thửa, tờ bản đồ		Diện tích đất, tài sản gắn liền với đất (m²)	Loại đất, tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thửa đất, tài sản gắn liền với đất	Ghi chú
				Số thửa	Tờ bản đồ				
A. Hộ gia đình, cá nhân									
I. Thành Phố Bạc Liêu									
1	30/6/2023	Tạ Thanh Tấn Võ Trúc Linh	ĐĐ 015477	99	9	100	ODT	phường 7	
2	30/06/2023	Sơn Thị Huỳnh Nga Lê Hữu Vân	DL 194367	710	22	150,8	ODT	phường 7	
3	30/06/2023	Phan Trung Nghĩa Lê Thị Sự	DH 983876	30	68	212	ODT	phường 1	
4	30/06/2023	Nguyễn Văn Bé	DH 935571	76	17	114,1	ODT	phường 7	
5	30/06/2023	Hồng Tú Hiền	BP 967034	1149	16-5	135	ODT	phường 7	
6	30/06/2023	Nguyễn Trọng Nhân	CC 384057	142	14	80	ODT	phường 7	
7	30/06/2023	Diệp Mậu Đạt Hầu Thị ghét	CĐ 985758	1315		1738,7			
			CU 110986	1318		29570			

STT	Thời điểm đăng ký	Tên của người đăng ký biện pháp bảo đảm	Số GCN QSDD, QSH tài sản	Số thửa, tờ bản đồ		Diện tích đất, tài sản gắn liền với đất (m ²)	Loại đất, tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thửa đất, tài sản gắn liền với đất	Ghi chú
				Số thửa	Tờ bản đồ				
	30/06/2023	Diệp Mậu Đạt Hầu Thị ghét	CS 037675	1319	15-1	14464,27	NTS	xã Vĩnh Trạch Đông	
			CD 656207	1148		28883, 5			
			CS 037676	1206		59901			
8	30/06/2023	Lưu Hoàng Đảo	DL 172605	254	14	90	ODT	phường 7	
9	30/06/2023	Trần Thị Quỳnh Dao	DL 195579	116	44	114,3	CLN	xã Vĩnh Trạch	
			DL 195580	117		114,4			
			DL 195578	115		114,2			
			DL 195577	114		114,1			
			DL 195576	113		113,9			
			DL 195575	112		113,8			
			DL 195574	111		113,7			
			DL 195573	110		113,6			
			DL 195572	109		113,5			
			DL 195571	108		113,4			
			DL 195570	107		113,3			

STT	Thời điểm đăng ký	Tên của người đăng ký biện pháp bảo đảm	Số GCN QSDĐ, QSH tài sản	Số thửa, tờ bản đồ		Diện tích đất, tài sản gắn liền với đất (m ²)	Loại đất, tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thửa đất, tài sản gắn liền với đất	Ghi chú
				Số thửa	Tờ bản đồ				
			DL 195569	106		113,2			
			DL 195568	105		113,1			
			DL 195567	104		113			

II. Huyện Vĩnh Lợi

1	30/06/2023	Huỳnh Văn Út	DK 776037	65	24	1921	NTTS	xã Hưng Thành	
2	30/06/2023	Huỳnh Văn Út	CN 491194	1507	2	4380	LUC- NTTS	xã Hưng Thành	
			CN 491189	1048	8	2508,7	LUC- NTTS		
3	30/06/2023	Lê Thanh Hùng	DH 870979	1873	4	100	ONT	xã Châu Thới	

III. Huyện Hồng Dân

1	30/6/2023	Lê Văn Nghị	CY435497	1568	3	5365,5	LUC	xã Ninh Quới	
			CY435496	1558	3	6855	LUC		
			CY484206	1570	3	4887,3	LUC		
			CY435499	1569	3	2268,5	LUC		
			CY435500	1554	3	6431,3	LUC		
			CY484207	1559	3	5712,5	LUC		
			CY484815	72	3	4770,3	LUC		

STT	Thời điểm đăng ký	Tên của người đăng ký biện pháp bảo đảm	Số GCN QSDĐ, QSH tài sản	Số thửa, tờ bản đồ		Diện tích đất, tài sản gắn liền với đất (m ²)	Loại đất, tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thửa đất, tài sản gắn liền với đất	Ghi chú
				Số thửa	Tờ bản đồ				
2	30/6/2023	Nguyễn Văn Lãnh	AP740849	288	5	3666,8	LUC	xã Ninh Hòa	
			AP740848	258	5	5307,6	LUC		
			AP740847	39	19	3439	LUC		
			AP740844	51	19	13167,3	LUC		
			AP740850	322	5	8356,4	LUC		
3	30/6/2023	Hồ Thị Phương	DL121396	364	38	100	ONT	xã Ninh Hòa	
						245	CLN		
4	30/6/2023	Trần Văn Lượm	DL005358	1933	9	2553,7	LUC	xã Ninh Hòa	
			DL005359	871	9	2896,1	LUC		
5	30/6/2023	Lê Văn Khải	DL195405	572	9	1080,2	LUC	xã Ninh Hòa	
			DL195404	3	32	5095,9	LUC		

IV. Huyện Đông Hải

1	29/06/2023	Quách Thanh Liêm Nguyễn Thị Huế Thương	AH 607654	27	52	86,7	ODT	thị trấn Gành Hào	
2	29/06/2023	Nguyễn Chí Nghiệm Nguyễn Thị Linh	CA 631368	184	79	313,9	LMU	xã Diên Hải	

STT	Thời điểm đăng ký	Tên của người đăng ký biện pháp bảo đảm	Số GCN QSDĐ, QSH tài sản	Số thửa, tờ bản đồ		Diện tích đất, tài sản gắn liền với đất (m ²)	Loại đất, tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thửa đất, tài sản gắn liền với đất	Ghi chú
				Số thửa	Tờ bản đồ				
3	29/06/2023	Nguyễn Chí Nghiệm Nguyễn Thị Linh	CY 348258	505	43	51,8	ODT	thị trấn Gành Hào	
4	29/06/2023	Nguyễn Xuân Lanh	CL 819674	26	49	300	ONT	xã Điện Hải	
			CL 819673	27	49	1835,1	NTS		
			CL 819675	899	10	5244,3	NTS		
			CL 819672	846	10	5358,5	NTS		
5	29/06/2023	Nguyễn Thanh Sang Nguyễn Thị Lệ	Đ 583618	70	20	32540	NTS	xã Long Điền Đông	
			CQ 851590	987		3400			
6	29/06/2023	Nguyễn Thanh Sang Nguyễn Thị Lệ	DB 671330	1048	4	6993,7	NTS	xã Long Điền Đông A	
			CU 115082	957		4436			
7	29/06/2023	Nguyễn Thanh Sang Nguyễn Thị Lệ	BT 527292	1971	8	723,9	CLN	xã Long Điền Đông A	
			DL 092199	147	79	782,7	CLN		
			BX 339088	113	79	496,4	SKC 124,3 LMU		
			CP 602856	834	11	90	ONT		
			CP 602855	833	11	90	ONT		

STT	Thời điểm đăng ký	Tên của người đăng ký biện pháp bảo đảm	Số GCN QSDĐ, QSH tài sản	Số thửa, tờ bản đồ		Diện tích đất, tài sản gắn liền với đất (m ²)	Loại đất, tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thửa đất, tài sản gắn liền với đất	Ghi chú
				Số thửa	Tờ bản đồ				
8	30/06/2023	Nguyễn Tấn Đạt	CP 602857	835	11	90	ONT	xã Điện Hải	
			CP 602859	837	11	90	ONT		
			CP 602860	838	11	90	ONT		
			CP 602863	841	11	90	ONT		
			CP 602864	842	11	90	ONT		
9	30/06/2023	Phan Thúy Nguyệt	CX 107755	657	8	102,5	ONT 60	xã Long Điền Tây	
							CLN		
			CX 107756	660		937,6	NTS		
10	30/06/2023	Châu Văn Luân	DL 121486	728	2	11747.9	NTS	xã An Phúc	
			DL 121487	726	2	1843.2	CLN		
							ONT 300		
			ĐĐ 320074	660	2	3160	CLN		
11	30/06/2023	Cao Thị Cẩm	ĐĐ 320073	659	2	20460	NTS	xã An Phúc	

STT	Thời điểm đăng ký	Tên của người đăng ký biện pháp bảo đảm	Số GCN QSDĐ, QSH tài sản	Số thửa, tờ bản đồ		Diện tích đất, tài sản gắn liền với đất (m ²)	Loại đất, tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thửa đất, tài sản gắn liền với đất	Ghi chú
				Số thửa	Tờ bản đồ				
12	30/06/2023	Trần Ngọc Phích	DL 105922	274	31	353	NTS	xã Long Điền	
V. Thị xã Giá Rai									
1	27/06/2023	Chung Văn Riêng	W 757674	1287	12	10404	LUA	phường Láng Tròn	
2	28/06/2023	Trần Quốc Nhanh	AD 769139	664	6	175	LUA	xã Phong Thạnh Đông	
			AC 446796	663	6	9100	LUA		
3	28/06/2023	Trần Văn Xây	G 800104	0228	14	2600	LUA	xã Phong Tân	
				0338	14	300	ONT		
						540	CLN		
				0466	14	6030	LUA		
4	29/06/2023	Đoàn Thị Thúy	BT 587062	155	15	1430	LUC	xã Phong Thạnh Đông	
			U 956310	329	2	6470	LUA		
			E 642803	813	2	3200	LUA		
2	29/03/2023	Nguyễn Văn Phấn	CC 580441	291	35	150	ODT	phường 1	
						47,4	BHK		
			DK 300352	280	35	106,6	ODT		

STT	Thời điểm đăng ký	Tên của người đăng ký biện pháp bảo đảm	Số GCN QSDĐ, QSH tài sản	Số thửa, tờ bản đồ		Diện tích đất, tài sản gắn liền với đất (m ²)	Loại đất, tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thửa đất, tài sản gắn liền với đất	Ghi chú
				Số thửa	Tờ bản đồ				
3	29/06/2023	Nguyễn Thị Nguyên, Nguyễn Văn Công	CY 347101	23	11	1659,1	CLN	xã Phong Thạnh Đông	
			CY 347102	63	11	550	CLN		
			DA 840878	273	2	8492,2	LUC		
4	30/06/2023	Châu Minh Vinh	CS 002094	196	6	455,2	CLN	phường Hộ Phòng	
5	30/06/2023	Lữ Thị Thơm	CV 413305	249	7	3095,2	LUC	xã Phong Thạnh Đông	
6	30/06/2023	Thái Thị Diệp	BY 607865	252	44	455,1	CLN	xã Phong Tân	
			BM 593895	1498	8	9825,4	LUC		
7	30/06/2023	Huỳnh Văn Cò	ĐĐ 200207	36	40	120	ODT	phường Láng Tròn	
						1084,6	CLN		
8	30/06/2023	Trương Văn Điện	CH 268046	3	14	2371,2	CLN	phường Láng Tròn	
			CH 268048	56	9	843,7	LUC		
			CH 268050	344	1	9709,6	LUC		
			CH 268045	1	14	300	ODT		

STT	Thời điểm đăng ký	Tên của người đăng ký biện pháp bảo đảm	Số GCN QSDĐ, QSH tài sản	Số thửa, tờ bản đồ		Diện tích đất, tài sản gắn liền với đất (m ²)	Loại đất, tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thửa đất, tài sản gắn liền với đất	Ghi chú
				Số thửa	Tờ bản đồ				
1	30/06/2023	Nguyễn Quang Thắng	DL 162299	1111	7	60	ONT	xã Vĩnh Hậu A	
						1984,7	NTS		
2		Đinh Thị Liễu	DL 194899	1192	2	7383,7	LUC	xã Vĩnh Mỹ B	
3		Liêu Huy Tuấn	CQ 851943	348	28	1005	CLN	thị trấn Hoà Bình	
4		Mai Minh Hiệu	DB 671592	154	2	3860	LUC	xã Vĩnh Bình	
			BD 097294	953		2730			

VII. Huyện Phước Long

1	29/06/2023	Võ Ngọc Vã	CO 684221	678	5	5184,7	LUC	xã Vĩnh Phú Đông	
2	30/06/2023	Đỗ Văn My	DH 495583	64	14	8208,8	NTS	xã Phong Thạnh Tây B	
3	30/06/2023	Đoàn Thị Chua	CL 924238	12	41	62,1	ONT	xã Phong Thnah Tây A	
4	30/06/2023	Võ Quốc Đoàn	DH 296659	480	2	9165,5	LUC	xã Hưng Phú	
5	30/06/2023	Lý Hữu Tài	DL 195139	420	10	3828,8	LUC	xã Vĩnh Phú Đông	
			DL 195140	212	10	2129,7	LUC		
			DL 195141	202	10	4268,1	LUC		
6	30/06/2023	Văn Duy Phương	CX 547179	35	78	118,2	CLN	thị trấn Phước Long	
7	30/06/2023	Đặng Văn Mười	CS 010810	28	22	2507,8	ONT	xã Vĩnh Phú Tây	

STT	Thời điểm đăng ký	Tên của người đăng ký biện pháp bảo đảm	Số GCN QSĐĐ, QSH tài sản	Số thửa, tờ bản đồ		Diện tích đất, tài sản gắn liền với đất (m ²)	Loại đất, tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thửa đất, tài sản gắn liền với đất	Ghi chú
				Số thửa	Tờ bản đồ				
7	30/06/2023	Dặng Văn Mười	CS 019610	20	23	2397,6	CLN	xã Vĩnh Phú Tây	
8	30/06/2023	Bùi Bé tư	CS 141270	252	16	258,5	CLN	xã Vĩnh Phú Tây	
			CS 141239	1205	4	74208,7	LUC		

B. Tổ chức

1	30/06/2023	Công ty TNHH MTV đầu tư xây dựng Bình Dương Bạc Liêu	DK 079730	117	65	139,9	ODT	ấp Thị trấn A1, thị trấn Hòa Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu	Thế chấp quyền sử dụng đất (22 GCN)
			DK 079732	115	65	110,0	ODT		
			DK 079733	114	65	109,8	ODT		
			DK 079778	113	65	109,7	ODT		
			DK 282236	211	65	104,3	ODT		
			DK 282237	210	65	106,4	ODT		
			DK 282238	209	65	108,6	ODT		
			DK 282239	208	65	110,8	ODT		
			DK 282241	206	65	115,1	ODT		
			DK 282242	205	65	117,3	ODT		
			DK 282243	204	65	119,4	ODT		
			DK 282244	203	65	121,6	ODT		
			DK 282245	202	65	123,8	ODT		

STT	Thời điểm đăng ký	Tên của người đăng ký biện pháp bảo đảm	Số GCN QSDĐ, QSH tài sản	Số thửa, tờ bản đồ		Diện tích đất, tài sản gắn liền với đất (m ²)	Loại đất, tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thửa đất, tài sản gắn liền với đất	Ghi chú
				Số thửa	Tờ bản đồ				
	30/06/2023	Công ty TNHH MTV đầu tư xây dựng Bình Dương Bạc Liêu	DK 282247	200	65	128,1	ODT	ấp Thị trấn A1, thị trấn Hòa Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu	Thế chấp quyền sử dụng đất (22 GCN)
			DK 282248	199	65	130,3	ODT		
			DK 282249	198	65	132,5	ODT		
			DK 282218	229	65	114,4	ODT		
			DK 282220	227	65	107,7	ODT		
			DK 282221	226	65	108,8	ODT		
			DK 282223	224	65	111,1	ODT		
			DK 282224	223	65	111,6	ODT		
			DK 282225	222	65	110,6	ODT		

Bạc Liêu, ngày 03 tháng 7 năm 2023

NGƯỜI LẬP BẢNG



Nguyễn Thị Thùy Dung

Nơi nhận:

- Trung tâm CNTTNTMT(Đăng công thông tin điện tử) ;
- Lưu: TTLT(Dung).

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Đạo